ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**

# BẢNG GHI ĐIỂM

Thi | **Học kỳ** 1 | **Năm học** 10-11

MÔN HỌC Kinh tế vi mô | Mã MH 214032
Số tín chỉ 2 | Nhóm - tổ 01 - A
Ngày thi 05/01/11 | Phòng thi 304B8 | Tiết thi 2-3
CBGD chính Nguyễn Thị Phương Quyên | Mã số CB 1.2862

Tỉ lệ đánh giá: 60 % 100 %

Ngày nộp điểm:

| STT | MSSV | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN | | Đề số | Chữ ký | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 20700008 | Lê Hữu | An | 2 | | 7.0 | Bảy | |
| 2 | 20700070 | Phan Võ Nguyệt | Anh | 2 | | 6.0 | Sáu | |
| 3 | 20500120 | Trần Việt | Ân | | | | | Vắng |
| 4 | 20700140 | Trần Thái | Bảo | 1 | | 7.0 | Bảy | |
| 5 | 20700213 | Đoàn Khắc | Chiến | 1 | | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 6 | 20704069 | Lê Minh | Công | 2 | | 5.0 | Năm | |
| 7 | 20704132 | Nguyễn Việt | Đức | 1 | | 4.5 | Bốn rưỡi | |
| 8 | 20700601 | Huỳnh Trường | Giang | 2 | | 6.0 | Sáu | |
| 9 | 20700617 | Vũ Trường | Giang | 1 | | 5.0 | Năm | |
| 10 | 20600596 | Hồ Văn | Hải | 1 | | 4.5 | Bốn rưỡi | |
| 11 | 20700894 | Nguyễn Thị Kim | Hồng | 1 | | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 12 | 20701087 | Nguyễn Duy | Khánh | 2 | | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 13 | 20701207 | Lê Đức | Kiệt | 2 | | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 14 | 20701219 | Nguyễn Khánh | Kỳ | 2 | | 6.0 | Sáu | |
| 15 | 20701287 | Nguyễn Thị Thùy | Linh | 1 | | 7.0 | Bảy | |
| 16 | 20701291 | Phạm Hường | Linh | 2 | | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 17 | 20701401 | Nguyễn Thành | Luân | 1 | | 5.0 | Năm | |
| 18 | 20701407 | Nguyễn Công | Luận | 1 | | 9.5 | Chín rưỡi | |
| 19 | 20701420 | Nguyễn Văn | Lực | | | 0.5 | Nửa điểm | Vắng Bài tập |
| 20 | 20701436 | Đoàn Tấn | Mạnh | 1 | | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 21 | 20701457 | Hồ Ngọc | Minh | 2 | | 5.5 | Năm rưỡi | |
| 22 | 20701462 | Lê Nguyễn Ngọc | Minh | 1 | | 7.0 | Bảy | |
| 23 | 20501731 | Đoàn Hoài | Nam | 2 | | 5.5 | Năm rưỡi | |
| 24 | 20701562 | Nguyễn Hữu | Nghiệp | 2 | | 5.5 | Năm rưỡi | |
| 25 | 20701649 | Vũ Bình | Nguyên | 2 | | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 26 | 20701676 | Nguyễn Thượng | Nhân | 1 | | 5.5 | Năm rưỡi | |
| 27 | 20701697 | Nguyễn Đức | Nhật | 2 | | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 28 | 20701741 | Nguyễn Khai | Nhựt | 1 | | 6.0 | Sáu | |
| 29 | 20701901 | Tống Hoàng | Phước | 2 | | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 30 | 20502190 | Võ Hồ Lan | Phương | 1 | | 4.0 | Bốn | |

Xem tiếp trang 2

***Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau***

Tp.HCM, *ngày* 21 *tháng* 1 *năm* 2011

Xác nhận BM/Khoa

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

CB Chấm

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

...HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

# BẢNG GHI ĐIỂM

Thi **Học kỳ** 1 **Năm học** 10-11

MÔN HỌC Kinh tế vi mô — Mã MH 214032
Số tín chỉ 2 — Nhóm - tổ 01 - A
Ngày thi 05/01/11 — Phòng thi 304B8 — Tiết thi 2-3
CBGD chính Nguyễn Thị Phương Quyên — Mã số CB 1.2862

Tỉ lệ đánh giá: 60% - 100

Ngày nộp điểm:

| STT | MSSV | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN | | Đề số | Chữ ký | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 31 | 20701915 | Dương Minh | Quang | 1 | | 6.0 | Sáu | |
| 32 | 20701948 | Trần Lê | Quang | 2 | | 7.0 | Bảy | |
| ~~33~~ | ~~20702003~~ | ~~Mai Lê Trúc~~ | ~~Quỳnh~~ | | | | | Vắng |
| 34 | 20601997 | Đặng Việt | Sang | 1 | | 6.0 | Sáu | |
| 35 | 20702040 | Vũ Thi | Sinh | 2 | | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 36 | 20502383 | Đỗ Thanh | Sơn | 2 | | 5.5 | Năm rưỡi | |
| 37 | 20702248 | Nguyễn Xuân | Thạnh | 1 | | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 38 | 20702325 | Hoàng Văn | Thiệu | 1 | | 5.0 | Năm | |
| 39 | 20704475 | Hồng Ngọc | Thịnh | 2 | | 6.0 | Sáu | |
| 40 | 20602973 | Nguyễn Đăng | Viễn | 1 | | 3.0 | Ba | |

Danh sách này có 40 sv. Ngày in 20/12/10

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 19/01/11

***Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau***

Tp.HCM, *ngày* *tháng* *năm 20*

Xác nhận BM/Khoa

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

CB Chấm

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

ĐỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

# BẢNG GHI ĐIỂM

Thi | Học kỳ 1 | Năm học 10-11

MÔN HỌC Kinh tế vi mô | Mã MH 214032
Số tín chỉ 2 | Nhóm - tổ 01 - B
Ngày thi 05/01/11 | Phòng thi 305B8 | Tiết thi 2-3
CBGD chính Nguyễn Thị Phương Quyên | Mã số CB 1.2862

Tỉ lệ đánh giá: 60 % 100%

Ngày nộp điểm:

| STT | MSSV | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN | | Đề số | Chữ ký | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 20704002 | Huỳnh Hữu | An | 1 | | 5.0 | Năm | |
| 2 | 20704111 | Võ Thị Anh | Đào | 2 | | 8.5 | Tám rưỡi | |
| 3 | 20704172 | Nguyễn Phước | Hiền | 1 | | 8.0 | Tám | |
| 4 | 20704168 | Phạm Trọng | Hiếu | 2 | | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 5 | 20704203 | Bùi Đức | Huy | 1 | | 7.0 | Bảy | |
| 6 | 20704209 | Phan Nhật | Huy | 2 | | 5.5 | Năm rưỡi | |
| 7 | 20604175 | Chu Trung | Hưng | 1 | | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 8 | 20704229 | Nguyễn Văn | Hưởng | 2 | | 5.5 | Năm rưỡi | |
| 9 | 20704279 | Trần Quốc | Long | 1 | | 4.0 | Bốn | |
| 10 | 20704308 | Mai Văn | Minh | 1 | | 7.0 | Bảy | |
| 11 | 20704332 | Lê Bảo | Nghĩa | 2 | | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 12 | 20704361 | Phan Trung | On | 1 | | 5.5 | Năm rưỡi | |
| 13 | 20704380 | Phạm Thanh | Phúc | 2 | | 8.0 | Tám | |
| 14 | 20704383 | Nguyễn Thị Mỹ | Phụng | 1 | | 6.0 | Sáu | |
| 15 | 20704385 | Nguyễn Duy | Phương | 2 | | 5.0 | Năm | |
| 16 | 20704392 | Vũ Thị | Phượng | 1 | | 9.0 | Chín | |
| 17 | 20704395 | Nguyễn Đăng | Quang | 2 | | 7.0 | Bảy | |
| 18 | 20704424 | Phạm Đức | Tài | 2 | | 8.5 | Tám rưỡi | |
| 19 | 20704448 | Nguyễn Văn | Thành | 1 | | 6.0 | Sáu | |
| 20 | 20704468 | Trần Nhật Trường | Thiên | 2 | | 7.0 | Bảy | |
| 21 | 20702333 | Huỳnh Nguyễn Cảnh | Thịnh | 1 | | 6.0 | Sáu | |
| 22 | 20704502 | Ngô Trung | Thứ | 2 | | 5.0 | Năm | |
| 23 | 20702507 | Phạm Ngọc | Tịnh | 1 | | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 24 | 20704520 | Đỗ Võ | Toàn | 2 | | 9.0 | Chín | |
| 25 | 20702524 | Nguyễn Song | Toàn | 1 | | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 26 | 20704530 | Đặng Văn | Trà | 2 | | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 27 | 20704634 | Nguyễn Ngọc Kiều | Trang | 1 | | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 28 | 20503140 | Phạm Văn | Trí | | | | | Vắng |
| 29 | 20704541 | Nguyễn Văn | Triệu | 2 | | 7.0 | Bảy | |
| 30 | 20702720 | Tôn Thất Xuân | Trường | 1 | | 6.0 | Sáu | |

Xem tiếp trang 3

***Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau***

Tp.HCM, *ngày* 21 *tháng* 1 *năm* 2011

Xác nhận BM/Khoa

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

CB Chấm

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

IN TẠI CTY LIÊN SƠN TEL : (08) 39 100 555-T06/10

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

# BẢNG GHI ĐIỂM

Học kỳ 1 Năm học 10-11

MÔN HỌC Kinh tế vi mô Thi Mã MH 214032
Số tín chỉ 2 Nhóm - tổ 01 - B
Ngày thi 05/01/11 Phòng thi 305B8 Tiết thi 2-3
CBGD chính Nguyễn Thị Phương Quyên Mã số CB 1.2862

Tỉ lệ đánh giá: 60% 40%

Ngày nộp điểm:

| STT | MSSV | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN | | Đề số | Chữ ký | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 31 | 20702846 | Huỳnh Thế Thiện | Tùng | 2 | | 6.0 | Sáu | |
| 32 | 20702796 | Mai Văn Đức | Tuyên | 1 | | 5.5 | Năm rưỡi | |
| 33 | 20702931 | Hoàng Quốc | Việt | 2 | | 8.5 | Tám rưỡi | |
| 34 | 20703013 | Hồ Hoàng | Vũ | 1 | | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 35 | 20703050 | Trương Ngọc Anh | Vũ | 2 | | 6.0 | Sáu | |
| 36 | 20703068 | Đinh Thị | Xinh | 1 | | 8.0 | Tám | |

Danh sách này có 36 sv. Ngày in 20/12/10

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 19/01/11

***Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau***

Tp.HCM, *ngày* 21 *tháng* 1 *năm* 20 11

Xác nhận BM/Khoa

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

CB Chấm

*(Ký và ghi rõ họ tên)*